TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 158/2017/DS-ST
Ngày: 22-8-2017
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Kim Tiến

Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2017/TLST- DS ngày 17 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần V

Trụ sở: Số 1-7, tòa nhà Đ, phố Đ, phường Đ, quận K, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 165-167-169, đường N, phường B, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1980 – Nhân viên của ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: Số nhà 410C, chung cư L, Phường M, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền số 1/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 20/02/2017) (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Ngọc X, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây viết tắt là

Ngân hàng) do ông Nguyễn Hoàng P làm đại diện trình bày: Ngày 03/10/2014, bà Bùi Thị Ngọc X có ký Hợp đồng tín dụng số 20141014-500001-0171 với Ngân hàng thương mại cổ phần V để vay số tiền 37.800.000 đồng, với lãi suất 3.75% tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 69.477.000 đồng (gồm cả lãi và gốc), trả chậm trong 36 tháng. Trong 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.931.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.892.000 đồng. Bà X phải thanh toán vào vào ngày 18 hàng tháng và bắt đầu từ ngày 18/11/2014.

Sau khi ký kết hợp đồng, bà X đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng 06 lần với số tiền 11.585.000 đồng. Kể từ ngày 23/07/2015, bà X không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng như thỏa thuận, dù Ngân hàng đã nhắc nhở bà X nhiều lần. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị Ngọc X phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ là 55.590.065 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 34.416.304 đồng, tiền nợ lãi (chỉ tính lãi trong hạn) là 21.173.761 đồng. Ngân hàng không đồng ý cho bà X trả dần, không đồng ý miễn lãi cho bà X. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2017, biên bản hòa giải ngày 08/8/2017, bị đơn là bà Bùi Thị Ngọc X trình bày: bà thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 37.800.000 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền vay còn nợ là 55.590.065 đồng (gồm cả gốc và lãi) thì bà cũng đồng ý. Nhưng hiện tại, thu nhập hàng tháng của bà chỉ có 4.000.000 đồng và phải nuôi 02 con nhỏ, nên bà xin trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng kết quả không thành.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Bùi Thị Ngọc X vắng mặt. Ông Nguyễn Hoàng P đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và xác định khoản nợ vay của bà Bùi Thị Ngọc X đều đã quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên. Ông P xác định đây là loại hình Ngân hàng cho vay trả góp hàng tháng, đã được tính tiền lãi vào số tiền dư nợ gốc ban đầu nên trong giai đoạn thi hành án, bà X không phải trả thêm tiền lãi trên số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc X phải thanh toán số tiền nợ vay 55.590.065 đồng từ hợp đồng tín dụng số 20141014-500001-0171 ngày 03/10/2014. Do tranh chấp giữa tổ chức với cá nhân, bị đơn là bà Bùi Thị Ngọc X cư trú tại ấp M, xã N, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự về cho vay tài sản" mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều

26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn là bà Bùi Thị Ngọc X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141014-500001-0171 ngày 03/10/2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V (chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) với bà Bùi Thị Ngọc X được xác lập theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ theo lời trình bày của đại diện của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận thì xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký xác lập giao dịch dân sự là văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141014-500001-0171 ngày 03/10/2014, xác định tính đến ngày xét xử các khoản nợ đều đã tới hạn và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 55.590.065 đồng (gồm cả tiền nợ gốc và tiền lãi). Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Bà X thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 55.590.065 đồng, nhưng bà X xin trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng yêu cầu này không được đại diện của Ngân hàng đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Do bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà X phải thanh nợ gốc, nợ lãi tổng cộng là 55.590.065 đồng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về mức lãi suất cho vay là 3.75%/tháng và cách tính lãi theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với bà X được áp dụng đúng như hai bên thỏa thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng 20141014-500001-0171 ngày 03/10/2014 và phù hợp với quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng được ban hành kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, theo đó: Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thoả thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng.

Và cũng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực từ ngày 01/01/2011, theo đó: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật."

[2.3] Về lãi suất chậm thi hành án: Đại diện ngân hàng đã xác định đây là loại hình cho vay trả góp hàng tháng, đã được tính tiền lãi vào số tiền dư nợ gốc ban đầu nên trong giai đoạn thi hành án, bà Bùi Thị Ngọc X không phải trả thêm tiền lãi trên số tiền còn nợ.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn là bà Bùi Thị Ngọc X phải chịu 2.779.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 93, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Mục 3 phần I Thông tư liên tịch 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính – TAND Tối cao – VKSND Tối cao hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc bà Bùi Thị Ngọc X trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ vay là 55.590.065 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm chín mươi nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 34.416.304 đồng, tiền nợ lãi (chỉ tính lãi trong hạn) là 21.173.761 đồng.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Đại diện ngân hàng đã xác định đây là loại hình cho vay trả góp hàng tháng, đã được tính tiền lãi vào số tiền dư nợ gốc ban đầu nên trong giai đoạn thi hành án, bà Bùi Thị Ngọc X không phải trả thêm tiền lãi trên số tiền còn nợ.

3. Về án phí: Buộc bà Bùi Thị Ngọc X phải nộp 2.779.500 đồng (Hai triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V 1.390.000 đồng (Một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000219 ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương